

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TG  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ - ST  
Ngày 29-01-2021  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đình Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lương Thị Nhung và bà Lê Thị Thanh Thùy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Phương Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lò Thị H; Sinh năm 1994; Địa chỉ: Bản T, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

**Bị đơn:** Anh Lò Văn Ph; Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Bản H (nay là bản HC), xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Hiện nay đang chấp hành án tại: Đội 23, K4, phân trại số 4, Trại giam TP, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị H có mặt, anh Ph vắng mặt có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 24/10/2020 và lời khai ngày 05/11/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:*

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Ph chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 19/9/2013 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị H và anh Ph kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh Ph không quan

tâm chăm sóc cho gia đình vợ con, không chịu khó làm ăn, anh Ph mắc tệ nạn ma túy, chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên anh Ph đi cai nghiện nhưng anh Ph không nghe. Đến năm 2017 anh Ph bị Tòa án nhân dân quận NTN xử phạt 11 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Trong thời gian anh Ph đi chấp hành án, chị H xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Ph được nữa. Đồng thời để có thời gian chăm sóc các con vì vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph.

**Về con chung:** Chị H khai vợ chồng có 02 con chung là Lò Thị T, sinh ngày 24/5/2013 và Lò Thị B, sinh ngày 27/9/2015. Hiện tại cháu T và cháu B đang ở cùng với chị H ở bản T, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Vì anh Ph đang đi chấp hành án thời gian dài, không có khả năng nuôi con nên khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu B đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ cho vay:** Chị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện TG đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 02/2020/QĐ-UTTA, ngày 27/10/2020 cho Tòa án nhân dân thành phố TH nhưng không được. Ngày 27/11/2020 Tòa án nhân dân huyện TG tiếp tục ra Quyết định ủy thác số 03/2020/QĐ - UTTA gửi cho Tòa án nhân dân huyện NC, tỉnh Thanh Hóa để tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho anh Ph, đồng thời hướng dẫn cho anh Ph viết tự khai và giao các tài liệu chứng cứ mà chị H đã giao nộp cho anh Ph tại trại giam nơi anh Ph đang chấp hành án.

Ngày 04/11/2020, Tòa án xác minh thông tin của ông Lò Văn Th (Trưởng bản HC, xã MT) về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con giữa chị H và anh Ph. Ông Th cho biết: Thời gian đầu khi mới kết hôn, chị H và anh Ph vẫn chịu khó làm ăn, sau này anh Ph hay đi làm xa nhà, thỉnh thoảng mới về. Ở địa phương anh Ph không nghiện ma túy, nhưng khi đi làm thì theo thông tin từ gia đình anh Ph có bán ma túy nên bị bắt và hiện đang đi chấp hành án tại trại giam TP. Chị H và anh Ph có 02 con chung là Lò Thị T, sinh ngày 24/5/2013 và Lò Thị B, sinh ngày 27/9/2015. Hiện các cháu chưa đến tuổi thành niên, từ khi anh Ph đi chấp hành án cháu T và cháu B ở cùng với chị H ở bản T, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Ông Th cũng cho biết chị H ngoài làm nông nghiệp còn đi làm thuê để có thêm thu nhập. Ngoài ra ông Th cũng không cho biết gì thêm.

Ngày 05/11/2020 Tòa án đã Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Do anh Ph đang đi chấp hành án nên Tòa án không tiến hành hòa giải mà chỉ thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và làm thủ tục tổng đạt theo quy định của pháp luật cho anh Lò Văn Ph. Chị H cũng đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do vậy đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 11/01/2021 Tòa án nhân dân huyện TG nhận được kết quả ủy thác của Tòa án nhân dân huyện NC, tỉnh Thanh Hóa thể hiện anh Ph đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ kèm theo kết quả ủy thác. Đồng thời anh Ph cũng giao cho Tòa án một bản tự khai ghi ý kiến của mình về các nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H.

*Tại bản tự khai ngày 07/01/2021 mà anh Ph đã giao nộp cho Tòa án, bị đơn anh Lò Văn Ph trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn Ph công nhận anh và chị Hai đăng ký kết hôn ngày 19/9/2013 tại UBND xã MT, huyện TG. Anh và chị H kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Anh Ph cũng thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2016 thì anh Ph phải đi chấp hành án, khoảng gần hai năm nay chị H cũng không còn gọi điện hỏi thăm anh Ph nữa. Nay chị H làm đơn xin ly hôn mặc dù anh Ph vẫn còn tình cảm với chị H, nhưng để giải thoát cho chị H, anh Ph đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Ph cũng thừa nhận, anh và chị H có 02 con chung là Lò Thị T sinh ngày 24/5/2013 và Lò Thị B, sinh ngày 27/9/2015. Do anh đang chấp hành án nên khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng và anh Ph không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Anh Ph khai anh đã nhận được tài liệu chứng cứ gồm: 01 đơn khởi kiện, 01 giấy chứng nhận kết hôn, 01 Chứng minh thư nhân dân, 01 sổ hộ khẩu, 02 giấy khai sinh, 01 đơn nguyện vọng của con, 01 sổ thăm gặp, 01 đơn miễn án phí, 01 đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ. Anh Ph không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ chị H giao nộp.

Về đề nghị xin vắng mặt: Anh Ph đề nghị do hiện nay đang phải chấp hành án nên không thể tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử tại Tòa án nhân dân huyện TG được nên xin vắng mặt tại các buổi làm việc, đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh Ph, mọi ý kiến anh Ph đã trình bày trong bản tự khai không có ý kiến gì khác.

Ngày 11/01/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong bản tự khai ngày 07/01/2021 anh Ph xin xét xử vắng mặt do đang phải chấp hành án. Căn cứ Khoản 1 Điều 228/BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lò Văn Ph.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện và không có ý kiến bổ sung. Anh Ph xin xét xử vắng mặt, anh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai, không có ý kiến nào khác gửi thêm cho Tòa án.

**Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG:** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa cơ bản đều đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; *Về con chung:* Căn cứ Điều 58, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai con chung là Lò Thị T sinh ngày 24/5/2013 và Lò Thị B, sinh ngày 27/9/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động; *Về quan hệ tài sản:* Chị H và anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Căn cứ đơn khởi kiện về việc nguyên đơn chị Lò Thị H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lò Văn Ph và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bị đơn là anh Lò Văn Ph có hộ khẩu thường trú tại bản HC, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3]. Về điều luật áp dụng:** Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Ph kết hôn năm 2013, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

**[4]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:** Ngày 29/01/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án. Chị H có mặt, anh Ph vắng mặt có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự,

**[5]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lò Thị H và anh Lò Văn Ph kết hôn ngày 19/9/2013, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị H và anh Ph đều khai nhận hai vợ chồng kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của chị H và anh Ph là hợp pháp. Chị H có đơn xin ly hôn với anh Ph là do tính tình không hợp, anh Ph không quan tâm chăm sóc cho gia đình vợ con, không chịu khó làm ăn, mắc nợ nần xã hội, chị H và gia đình đã nhiều lần

khuyến anh Ph đi cai nghiện nhưng anh Ph không nghe và đến năm 2017 anh Ph đã bị Tòa án nhân dân quận NTN xử phạt 11 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chị H xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Ph được nữa, đồng thời để có thời gian chăm sóc các con vì vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph. Anh Ph cũng thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2016 thì anh Ph phải đi chấp hành án, khoảng gần hai năm nay chị H cũng không còn gọi điện hỏi thăm anh Ph. Chị H làm đơn xin ly hôn mặc dù anh Ph vẫn còn tình cảm với chị H, nhưng do thời gian chấp hành án của anh Ph còn dài, đồng thời để giải thoát cho chị H, anh Ph đồng ý ly hôn. Tại các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 04/11/2020 chính quyền địa phương cũng thừa nhận thời gian đầu khi mới kết hôn, chị H và anh Ph vẫn chịu khó làm ăn, sau này anh Ph hay đi làm xa nhà, thỉnh thoảng mới về và do anh Ph phạm tội mua bán ma túy nên hiện đang phải chấp hành án tại trại giam TP. Hội đồng xét xử xét thấy do anh Ph đang phải chấp hành án phạt tù, trong thời gian anh Ph chấp hành án, chị H cũng không thường xuyên đi lại thăm hỏi hay điện thoại hỏi thăm anh Ph, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Ph sau khi được Tòa án thông báo về việc chị H xin ly hôn với anh Ph mặc dù vẫn còn tình cảm với chị H, nhưng do thời gian chấp hành án còn dài nên để giải thoát cho chị H, anh Ph nhất trí ly hôn. Chị H cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị H xác định không còn tình cảm với anh Ph, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Ph. Do đó việc chị H xin ly hôn với anh Ph là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Lò Văn Ph.

**[6]. Về con chung:** Chị H và anh Ph đều thừa nhận có 02 con chung là Lò Thị T sinh ngày 24/5/2013 và Lò Thị B, sinh ngày 27/9/2015. Nguyên vọng của cháu T muốn được ở với mẹ, mặc dù cháu Bình chưa đủ tuổi để Tòa án lấy ý kiến nhưng từ khi anh Ph đi chấp hành án thì cháu T và cháu B ở cùng với chị H ở bản T, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Do anh Ph đang chấp hành án nên khi ly hôn anh Ph cũng nhất trí giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con ngày 04/11/2020 chính quyền địa phương cũng xác nhận từ khi anh Ph đi chấp hành án cháu T và cháu B ở cùng với chị H tại bản T, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị H ngoài làm nông nghiệp còn đi làm thuê để có thêm thu nhập. Xét đề nghị của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với ý kiến đề nghị của anh Ph, nguyện vọng của con chung và ý kiến của chính quyền địa phương. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu T và cháu B, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu T và cháu B cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng,

anh Ph cũng có ý kiến do đang chấp hành án nên anh không cấp dưỡng nuôi con do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

**[7]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ cho vay:** Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Còn tài sản riêng, nợ phải trả, nợ cho vay anh Ph không có ý kiến gì đề cập trong bản tự khai của mình do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

**[8]. Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên chị H là người dân tộc thiểu số cư trú tại Bản T, xã MT, huyện TG, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị H được miễn án phí DSST.

**[9]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG** là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử:** Nguyên đơn chị Lò Thị H được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn Ph.

**2. Về con chung:** Giao hai cháu Lò Thị T sinh ngày 24/5/2013 và Lò Thị B, sinh ngày 27/9/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị H không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lò Văn Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Lò Văn Ph lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Ph.

Vì lợi ích của các con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ cho vay:** Chị H và anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Lò Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/01/2021). Anh Lò Văn Ph được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã MT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Đình Hiếu**

